

Số: 163/2025/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 37/2024/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản;

Thực hiện Quyết định số 389/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Quyết định số 2773/QĐ-BNN-KN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân Quyết định ban hành Quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *MM*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục KTVB và QLXLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh Đồng Tháp;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh Đồng Tháp;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Tháp;
- VPUB: CVP và các PCVP,
Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, PKT(Tú.NN). *2*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH *lant*
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

QUY ĐỊNH

**Danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; khu vực
cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
(Kèm theo Quyết định số 163 /2025/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản; khu vực
cấm khai thác thủy sản có thời hạn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh có hoạt động liên quan đến khai
thác nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Lồng xếp là ngư cụ khai thác thủy sản bao gồm nhiều khung lồng, được
tạo thành từ các khung sắt xếp song song và liên kết với nhau bằng áo lưới, dọc
theo thân lồng có nhiều cửa hom để thủy sản đi vào nhưng không có cửa ra.
Nguyên lý hoạt động của lồng xếp là đặt sát đáy các vùng ven bờ có độ sâu thấp
để bẫy, ngăn cản đường di chuyển tự nhiên của các loài thủy sản. Ngư cụ này có
tính chọn lọc rất thấp.

2. Dón là loại ngư cụ khai thác thủy sản cố định, thường được sử dụng ở
các vùng nước nông, dòng chảy nhỏ để chặn bắt cá di chuyển, có cấu tạo gồm
bốn (04) bộ phận chính:

a) Lưới dẫn là một dải lưới được thả thành bức tường để chặn đường cá di
chuyển, cá sẽ dựa vào lưới dẫn và đi về phía cửa dón.

b) Lưới cánh lắp ở hai bên cửa dón, góc xiên của lưới cánh phải thích hợp
để hướng cá đi vào cửa dón.

c) Cửa dón là hom có tác dụng dẫn cá vào trong dón đồng thời hạn chế cá
quay trở ra.

d) Lưới chuồng là nơi nhốt cá khi đã vào trong dón.

3. Te, xiệp là ngư cụ đánh bắt chủ động dùng để khai thác thủy sản ở những
nơi có độ sâu nhỏ. Cấu tạo gồm một (01) tấm lưới có hình dạng giống như cái
túi, miệng lưới được căng bằng hai sào tre (có thể bằng vật liệu khác như: ống
kim loại, thân gỗ...) vắt chéo nhau, miệng te thường rộng từ 1,5 - 2,5 m; đầu sào
gắn guốc để dễ trượt trên nền đáy. Hoạt động bằng cách đẩy về phía trước và

được nhắc lên đều đặn để thu gom tôm cá nên người dân thường gọi là “ghe nhũ” hoặc “ủi dòn”.

4. Lưới kéo là ngư cụ khai thác chủ động, đánh bắt theo nguyên lý lọc nước bắt cá, cá bị lừa vào lưới dưới sức kéo đi tới của tàu và lưới. Lưới kéo có thể làm việc ở mạn hoặc đuôi tàu, được kéo bởi 1 hoặc 2 tàu (cào đò). Lưới kéo có dạng hình túi hay hình ống, một đầu được mở rộng, tiếp đó hẹp dần và cuối cùng bị bịt kín ở túi lưới. Đối tượng đánh bắt gồm các loài thủy sản tầng đáy. Lưới kéo thường được sử dụng trên các thuyền thủ công hoặc trên các tàu lắp máy công suất nhỏ. Cấu tạo lưới kéo gồm ba (03) thành phần chủ yếu: cánh lưới, thân lưới và túi lưới.

a) Cánh lưới là phần đầu tiên ở phía trước của miệng lưới kéo. Cánh lưới có tác dụng lừa cá vào thân và đọt lưới. Chiều dài cánh lưới thường chiếm 1/5 chiều dài toàn bộ vàng lưới kéo.

b) Thân lưới kéo có tác dụng là tiếp tục giữ và lừa cá vào đọt. Chiều dài thân lưới thường chiếm 3/5 chiều dài toàn bộ vàng lưới kéo.

c) Đọt lưới là phần quan trọng nhất của vàng lưới. Đọt lưới có tác dụng giữ cá và bắt cá. Chiều dài đọt lưới thường chiếm 1/5 chiều dài toàn bộ vàng lưới kéo.

5. Ngư cụ kết hợp ánh sáng là các loại ngư cụ sử dụng ánh sáng để dẫn dụ, thu hút cá.

Điều 3. Nguyên tắc hành nghề và sử dụng ngư cụ trong khai thác nguồn lợi thủy sản

1. Tuân thủ các quy định của Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 và các văn bản pháp luật có liên quan trong lĩnh vực bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản.

2. Khai thác nguồn lợi thủy sản phải căn cứ vào trữ lượng nguồn lợi thủy sản, gắn với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, không làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, không ảnh hưởng đến đa dạng sinh học.

3. Không sử dụng hóa chất cấm, chất độc, chất nổ, xung điện, phương pháp, phương tiện, ngư cụ khai thác có tính hủy diệt, tận diệt để khai thác nguồn lợi thủy sản quy định tại Điều 4 Quy định này và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 4. Nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản

1. Nghề lưới kéo (trừ lưới kéo moi/ruốc), phạm vi cấm: Vùng ven bờ; vùng nội địa;

2. Nghề lồng xếp (lờ dây, bát quái, dớn, lờ), phạm vi cấm. Vùng ven bờ; vùng nội địa;

3. Nghề kết hợp ánh sáng (trừ nghề câu tay mực), phạm vi cấm: Vùng ven bờ;

4. Các nghề: đáy; xăm; chấn; xiệp; xích; te, xẻo kết hợp với tàu có gắn động cơ (trừ nghề đáy ruốc còn gọi là “đáy sông cầu”). phạm vi cấm: Vùng ven bờ; vùng nội địa;

5. Nghề cào đáy bằng khung sắt có kết hợp với tàu, máy kéo, bơm thổi (cào lươn, cào nhuyễn thể, banh lông), phạm vi cấm: Vùng lộng; vùng ven bờ; vùng nội địa

Điều 5. Khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn

1. Khu vực Sông Mê Kông (sông Tiền), bao gồm: Đoạn sông thuộc địa phận phường Hồng Ngự, phường Thường Lạc, phường An Bình và xã Long Khánh có diện tích 320 ha, *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*.

2. Khu vực Sông Mê Kông (sông Tiền), bao gồm: Đoạn sông thuộc địa phận xã Long Khánh và xã Long Phú Thuận có diện tích 740 ha, *(chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*.

3. Thời gian cấm khai thác thủy sản từ ngày 01/6 đến ngày 30/8 (dương lịch) hàng năm.

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý nhà nước và bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh, xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Hướng dẫn danh mục nghề, ngư cụ cấm, các hành vi bị nghiêm cấm trong khai thác thủy sản trong việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật về quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

c) Trước ngày 10 tháng 11 hằng năm, chủ trì, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo về công tác quản lý, bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nội dung trong quyết định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng bằng các hình thức đa dạng các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản để các đối tượng khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh nắm bắt và chấp hành.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc triển khai các biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Xử lý các hành vi vi phạm hành chính, vi phạm pháp luật hình sự liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định pháp luật.

5. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc triển khai các biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

b) Xử lý các hành vi vi phạm hành chính, vi phạm pháp luật hình sự liên quan đến bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định pháp luật.

6. Sở Công Thương

Phối hợp kiểm tra việc kinh doanh, buôn bán các loại ngư cụ cấm sử dụng tại các cửa hàng kinh doanh, buôn bán ngư cụ trên địa bàn Tỉnh.

7. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội nghề nghiệp

Tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến quy định này và các quy định khác về khai thác thủy sản đến các đoàn viên, hội viên; vận động các đoàn viên, hội viên thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản.

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản; tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

2. Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý.

3. Định kỳ trước ngày 01/11 hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện quy định này; báo cáo về công tác quản lý khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản hoặc đột xuất theo yêu cầu của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật có liên quan và quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh đến người dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác thủy sản trên địa bàn; tổ chức triển khai thực hiện các nội dung, biện pháp quản lý nhà nước về bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn quản lý; vận động người dân khai thác thủy sản trên địa bàn ký cam kết không sử dụng các loại nghề, ngư cụ cấm trong khai thác thủy sản; chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Tổ chức, cá nhân tham gia khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm chấp hành nghiêm quy định này, không sử dụng các loại ngư cụ cấm để tham gia khai thác thủy sản.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để có chỉ đạo, giải quyết kịp thời./.



Phụ lục**Chi tiết tọa độ ranh giới khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **163**/2025/QĐ-UBND ngày **30** tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

STT	Khu vực cấm khai thác	Phạm vi, ranh giới, tọa độ	Diện tích	Thời gian cấm khai thác	Ghi chú
1	Khu vực Sông Mê Kông (sông Tiền), bao gồm: Đoạn sông thuộc địa phận phường Hồng Ngự, phường Thường Lạc, phường An Bình và xã Long Khánh.	Vùng nước giới hạn tại các điểm: M1: 10°49'32" N, 105°18'50"E, địa phận phường Thường Lạc; M2: 10°49'12" N, 105°18'39"E, địa phận xã Long Khánh; M3: 10°49'09" N, 105°20'23"E, địa phận phường Thường Lạc; M4: 10°49'08" N, 105°20'26"E, địa phận phường Hồng Ngự; M5: 10°48'21" N, 105°21'40"E, địa phận phường An Bình; M6: 10°48'24" N, 105°21'41"E, địa phận phường Hồng Ngự; M7: 10°47'06" N, 105°20'23"E, địa phận xã Long Khánh; M8: 10°47'08" N, 105°21'52"E, địa phận phường An Bình;	320 ha	Từ ngày 01/6 đến ngày 30/8 (ương lịch) hàng năm.	
2	Khu vực Sông Mê Kông (sông Tiền), bao gồm: Đoạn sông thuộc địa phận xã Long Khánh và xã Long Phú Thuận.	Vùng nước giới hạn tại các điểm: M1: 10°47'06" N, 105°20'23"E, địa phận xã Long Khánh; M2: 10°46'33" N, 105°20'27"E, địa phận xã Long Phú Thuận; M3: 10°47'53" N, 105°16'32"E, địa phận xã Long Khánh; M4: 10°47'34" N, 105°15'47"E, địa phận xã Long Phú Thuận.	740 ha	Từ ngày 01/6 đến ngày 30/8 (ương lịch) hàng năm.	